

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG SƠN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06 / 2017/HNGĐ- ST
Ngày: 12/07/ 2017
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG SƠN, TỈNH HÀ TĨNH.
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Đức Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Khắc Hải
2. Ông Lương Văn Sơn

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lê Thế Hồng - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Sơn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Hoài Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2017 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hương Sơn mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/ 2017/ TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2017 về việc: “ Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/ 2017/ HNGĐ-ST, ngày 09 tháng 6 năm 2017 và theo quyết định hoãn phiên tòa số 01/2017 ngày 26/6/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Đình H, sinh năm: 1981. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai có tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay anh Trần Đình H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đình H và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tình yêu tự nguyện, không bị ai ép buộc và được đăng ký kết hôn vào ngày 02/12/2005 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 3 năm thì nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do điều kiện kinh tế khó khăn, làm ăn thua lỗ nên anh H phải đi làm ăn xa, không liên lạc với gia đình. Đến năm 2011 anh H liên lạc với vợ con nhưng giữa hai bên không đồng thuận trong

cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, sống ly thân nhau từ năm 2012 đến nay. Vì vậy, anh H làm đơn nên xin được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Tại bản tự khai có tại hồ sơ vụ án chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Trần Đình H là tự nguyện và tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, một mình chị gánh vác công việc gia đình chồng, trong khi đó anh H đi làm ăn xa biệt biệt 6 năm không gửi tiền về để chị nuôi dưỡng các con nên chị phải đi tìm việc làm nuôi sống bản thân và lo cho các con, nay anh H trở về làm đơn xin ly hôn chị không đồng ý.

- Về quan hệ con chung: anh Trần Đình H và chị Nguyễn Thị T trình bày thống nhất vợ chồng có hai con chung là Trần Thị Quỳnh N, sinh ngày 19/5/2006 và Trần Anh T1, sinh ngày 20/10/2007. Trong bản khai có tại hồ sơ anh H có nguyện vọng giao cho vợ chồng mỗi người nuôi một con chung, còn chị T trình bày con có nguyện vọng ở với ai thì giao cho người đó nuôi dưỡng. Tại phiên Tòa hôm nay anh H trình bày chị T không có mặt tại địa phương nên có nguyện vọng nuôi hai con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Đình H và chị Nguyễn Thị T trình bày thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không có ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về tố tụng và đề xuất đường lối giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến phiên toà hôm nay thấy rằng Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình được quy định tại các Điều 48, 49, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, trình tự thủ tục hoà giải, thu thập chứng cứ đúng pháp luật. Nguyên đơn anh Trần Đình H chấp hành đúng pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị T đã nhận thông báo thụ lý vụ án hợp lệ, có bản tự khai tại hồ sơ nhưng sau đó không chấp hành pháp luật, cố tình trốn tránh, vắng mặt tại hai phiên Tòa, điều đó chứng tỏ rằng chị T chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, các 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Đình H được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

+ Về quan hệ con chung: Xử giao cháu Trần Thị Quỳnh N, sinh ngày 19/5/2006 và Trần Anh T1, sinh ngày 20/10/2007 cho anh Trần Đình H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu tròn 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về quan hệ tài sản chung: anh Trần Đình H và chị Nguyễn Thị T không có tài sản chung, không vay nợ ai, không có ai nợ vợ chồng nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ kiện “ Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” giữa nguyên đơn anh Trần Đình H và bị đơn chị Nguyễn Thị T đều ở địa chỉ xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[2] Hội đồng xét xử thấy trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị T, đã nhận thông báo thụ lý vụ án hợp lệ, viết bản tự khai nhưng sau đó không chấp hành đúng pháp luật, cố tình trốn tránh, Tòa án huyện H đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo về phiên hòa giải, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt cho chị T nhưng chị T cố tình trốn tránh, không có mặt tại địa phương nên Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng này tại UBND xã S theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 26/6/2017 chị T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã ban hành Quyết định hoãn phiên tòa và niêm yết theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay chị T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên Tòa án nhân dân huyện H xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tuy chị T vắng mặt nhưng căn cứ vào lời khai của anh H, chị T và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đủ cơ sở khẳng định anh Trần Đình H và Chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tình yêu tự nguyện và được đăng ký kết hôn vào ngày 02/12/2005 tại UBND xã S, huyện H, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 3 năm, do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh H phải đi làm ăn xa, ít quan tâm đến gia đình, mỗi người đi làm ăn sinh sống mỗi nơi, không có sự đồng thuận trong cuộc sống nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và đã sống ly thân nhau từ năm 2012 đến nay, mục đích hôn nhân hạnh phúc không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Trần Đình H được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

* Về quan hệ con chung: [4] Anh Trần Đình H và chị Nguyễn Thị T có 2 con chung là Trần Thị Quỳnh N, sinh ngày 19/5/2006 và Trần Anh T1, sinh ngày 20/10/2007. Trong quá trình giải quyết vụ án anh H có nguyện vọng giao cho vợ chồng mỗi người nuôi một con chung, còn chị T trình bày con có nguyện vọng ở với ai thì giao cho người đó nuôi dưỡng. Tại phiên Tòa hôm nay anh H cho rằng chị T không có mặt tại địa phương, để bảo đảm cuộc sống của hai con anh H có nguyện vọng nuôi hai con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy nguyện vọng nuôi hai con của anh H là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của hai con. Hiện nay chị T không có mặt tại địa phương, nếu giao con cho chị T nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo được cuộc sống của các con nên cần thiết giao hai con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến 18 tuổi và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo quy định tại các Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

* Về quan hệ tài sản: [5] Anh Trần Đình H và chị Nguyễn Thị T không có tài sản chung, nợ chung và không yêu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

* Về án phí: [6] Anh Trần Đình H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* Về quyền kháng cáo:[7] Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Đình H được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

- Về quan hệ con chung: Xử giao cháu Trần Thị Quỳnh N, sinh ngày 19/5/2006 và Trần Anh T1, sinh ngày 20/10/2007 cho anh Trần Đình H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử buộc: Anh Trần Đình H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002075, ngày 12 tháng 4 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Tiền án phí dân sự sơ thẩm anh H đã nộp đủ.

- Về quyền kháng cáo: Anh Trần Đình H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã S;
- Lưu hồ sơ, văn thư;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Phạm Đức Quang